

# TOÀN CẦU HOÁ VĂN HOÁ LÀ KHÔNG THỂ

---

GS. TRẦN HY

*Khoa Văn học –*

*Trường Đại học Trung Sơn, Trung Quốc*

---

**Nội dung chính:** Toàn cầu hoá văn hoá là không thể. Phương Tây hoá đơn cực không thể đưa lại cho thế giới một sự hoàn chỉnh. Thành tựu to lớn của công cuộc cải cách mở cửa ở hai nước Trung - Việt được cả thế giới quan tâm. Nhưng, cùng với sự trỗi dậy về kinh tế, tăng cường quốc lực tổng hợp, nhất thiết phải chú trọng đến xây dựng văn hoá, đặc biệt là bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc. Biên giới Trung - Việt là tuyến đầu trong việc bảo vệ bản quyền di sản văn hoá dân tộc. Phải có tầm nhìn chiến lược, toàn cục trong việc bảo tồn văn hoá dân tộc. Xây dựng, khai thác văn hoá dân tộc phải chú trọng đến di sản dân tộc. Nghĩa là phải chú trọng bảo vệ văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể và di sản tự nhiên ở khu vực biên giới Trung - Việt. Trong thời đại toàn cầu hoá, các nước Đông Nam Á đều có vị trí và lập trường dân tộc của chính mình, tự tin văn hoá, tự tôn văn hoá tất yếu phải được thể hiện cho rõ.

**Từ khóa :** Toàn cầu hoá, Trung - Việt, văn hoá dân tộc biên giới, bảo tồn.

**H**ai nước Trung - Việt, núi liền núi, sông liền sông, môi hở răng lạnh. Việt Nam là quốc gia láng giềng quan trọng của Trung Quốc. Từ trước đến nay, hai nước đã có mối quan hệ đan xen, khăng khít. Việt Nam là một quốc gia thuộc Đông Nam Á, chịu ảnh hưởng sâu rộng văn hoá Hán. Ngày 18-11-1950, hai nước Trung - Việt chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Trung Quốc là Nhà nước đầu tiên mở quan hệ bang giao với Việt

Nam. Từ đó đến nay, thể chế chính trị hai nước có nhiều điểm cơ bản tương đồng, cung cách tư duy, quan niệm giá trị khá gần nhau, tình hình hai nước có nhiều chỗ giống nhau. Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam tiến hành chính sách đổi mới mở cửa, thu được nhiều thành tựu to lớn trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá... Trong những mặt đó, Việt Nam đã nghiên cứu tham khảo nhiều kinh nghiệm thành công của các nước trong đó có Trung Quốc. Nhiều bài học

kinh nghiệm của Trung Quốc có tác dụng tốt cho Việt Nam trong quá trình đổi mới của mình. Ngược lại, đổi mới của Việt Nam cũng giúp Trung Quốc tham khảo nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Những thành công to lớn của hai nước Trung - Việt trong công cuộc cải cách mở cửa được cả thế giới quan tâm và đã tạo nên một khu vực tăng trưởng kinh tế nhanh nhất, có sức sống mạnh mẽ nhất thế giới. Tuy vậy, trong thời đại toàn cầu hoá, cùng với sự trỗi dậy về kinh tế, tăng cường quốc lực, cần phải chú trọng xây dựng văn hoá, đặc biệt là bảo tồn và phát triển di sản văn hoá dân tộc. Văn hoá của hai nước Trung - Việt là đồng nguyên. Dải biên giới chung giữa hai nước là tuyến đầu trong việc bảo tồn nền văn hoá mang bản sắc dân tộc. Phải bảo tồn văn hoá dân tộc mang tầm chiến lược, toàn diện; xử lý và bảo tồn đúng đắn văn hoá dân tộc vốn mang nội hàm văn hoá tương đồng, nhưng lại có phân định biên giới quốc gia. Trong thời đại toàn cầu hoá, các quốc gia Đông Nam Á đều có vị trí, lập trường dân tộc của mình, tất yếu thể hiện tự tin văn hoá và tự tin dân tộc.

## I. KHÔNG THỂ TOÀN CẦU HOÁ VĂN HOÁ

Cụm từ “toàn cầu hoá” do T. Lewis nêu ra năm 1985, lúc đầu để nói về sự xuất hiện của một loạt hiện tượng kinh tế hiện đại do việc cấu trúc lại một số tổ chức quốc tế như Tổ chức tài chính quốc tế, Ngân hàng thế giới và các tập đoàn công ty xuyên quốc gia. Ngay sau đó, nhất thể hoá kinh tế đã đưa toàn cầu hoá thành trào lưu toàn cầu.

Cùng với sự vận động mang tính toàn cầu của dòng vốn tài chính, WTO ngày càng mở rộng, các tập đoàn công ty đa quốc gia lần lượt xuất hiện, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng và phủ rộng của Internet, hệ thống kinh tế, kỹ thuật, thông tin thế giới và toàn cầu hoá do nhất thể hoá kinh tế mang lại đã trở thành trào lưu lan khắp toàn cầu. Mọi sự việc dù xảy ra ở bất cứ nơi nào trên trái đất đều vượt qua khoảng cách địa lý xa gần, toả ra khắp mọi nơi mọi chốn. Tháng 10-2007, sự kiện phim sex của nữ diễn viên điện ảnh Việt Nam 19 tuổi Hoàng Thuỳ Linh - diễn viên đóng vai chính trong phim truyền hình nhiều tập “Nhật ký Vàng Anh” có quan hệ tình dục với người bạn trai bị tung lên mạng Youtube. Sự kiện này lập tức trở thành tiêu điểm bàn luận ở Việt Nam và được các phương tiện truyền thông ở Trung Quốc và các nước khác đưa tin. Thế giới ngày nay thật lắm chuyện và không ngừng biến động, khiến dư luận bàn tán xôn xao.

Châu Âu, châu Á và khu vực Bắc Mỹ là ba châu lục phát triển nằm trên một nửa bán cầu. Kinh tế, chính trị khu vực Bắc Mỹ tương đối thống nhất và đã hình thành liên minh. Kinh tế, chính trị châu Âu cũng đã liên minh, ngay cả đồng tiền cũng đã thành đồng tiền chung. Riêng châu Á phát triển chậm hơn nên chưa đạt được sự thống nhất.

Các nước phát triển chậm hơn chủ trương “bản địa hoá”, “dân tộc hoá”, không chấp nhận và phản đối hội nhập thế giới vào thuộc tính chung này. Tự mình đóng cửa, biệt lập là cách làm thiếu hiện thực, thiếu sáng suốt. Mối quan hệ tương tác vẫn là thông lệ của

nhân loại, chống lại cái đó hoặc tự biệt lập là đi ngược logic thông thường, sẽ chịu thua thiệt, dần dần sẽ đánh mất mình và bị loại ra khỏi “cuộc chơi toàn cầu”.

Tuy nhiên, vấn đề hiện nay là toàn cầu hoá kinh tế đang lan dần sang lĩnh vực văn hoá. Các nước phát triển theo đuổi ý đồ lấy mô hình văn hoá của kẻ mạnh làm tiêu chuẩn để cấu trúc lại các mô hình văn hoá thế giới. Họ nghĩ rằng, văn hoá của kẻ mạnh là tiên tiến, văn hoá của các nước, các dân tộc khác là lạc hậu, cần phải được thay đổi xét về góc độ lý tính. Thực chất, toàn cầu hoá là TBCN hoá hoặc Mỹ hoá. Vào năm 2000, Mỹ cho xuất bản một cuốn sách có tựa đề “Đế quốc - Trật tự chính trị toàn cầu hoá”. Tác giả đưa ra luận thuyết đế quốc không bị phân chia bởi biên giới quốc gia dân tộc, vai trò lịch sử quan trọng thống trị nhân loại đặt lên vai đế quốc siêu cường. Ngay sau đó, xuất hiện một loạt bài viết của phái hữu, nhấn mạnh: mọi quốc gia đều kiếm tìm quyền lực tối cao. Do đó không thể có cơ chế cân bằng lợi ích, tấn công chính là biện pháp phòng ngự tốt nhất. Mục tiêu cần theo đuổi là một “thế kỷ XXI đơn cực”. Chính vì thế, buộc phải “ngăn chặn sự xuất hiện, cạnh tranh của một cường quốc mới”, “tích cực điều chỉnh mô hình, phương thức quân sự và chiến tranh”, “khống chế không gian mạng” và “giành quyền chủ đạo không gian vũ trụ”. Người Mỹ cho rằng “trật tự thế giới tất yếu phải được cấu trúc lại trên nền tảng địa vị siêu cường và sức mạnh quân sự Mỹ không để xuất hiện đối thủ thách thức”. Từ nền tảng đó, họ thúc đẩy toàn diện cái mà họ cho là

“tự do dân chủ”, “Chiến lược đế quốc mới” trước hết nhằm kiềm chế kẻ khác, đưa ra thuyết “chủ quyền giới hạn”, coi nhẹ và sửa đổi quy tắc quốc tế, rêu rao luận điệu “Thời đại hậu dân tộc” sẽ xuất hiện...<sup>(1)</sup>.

Vật chất có thể còn nghèo, nhưng văn hoá vẫn không ngừng phát triển. Hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá về kinh tế, chính trị là xu thế không gì ngăn cản nổi, nhưng chúng ta kiên trì khẳng định, văn hoá là không thể toàn cầu hoá. Tây hóa đơn nhất không thể cứu vãn thế giới. Thời đại toàn cầu hoá kinh tế, nhưng văn hoá phải đa nguyên. “Hoà nhập nhưng không hoà tan” là nguyên tắc căn bản để đưa văn hoá sinh sôi, phát triển.

Văn hoá là cây đại thụ trong vườn hoa tinh thần mà con người lấy đó làm nền tảng an cư lạc nghiệp, vì sự sinh tồn và phát triển của nhân loại. Nhìn từ ý nghĩa cả chiều rộng lẫn chiều sâu, điều kiện quan trọng nhất để văn hoá tồn tại, phát triển là sự khác biệt. Sự khác biệt không chỉ để tham chiếu, tự mình phát hiện cái mới, nhận thức khách thể mà còn để tổ chức cuộc sống nhân loại hài hoà, khoan dung, là điều kiện tất yếu để phát triển văn hoá đa dạng, đa nguyên. Đương nhiên, khác biệt không có nghĩa là không tồn tại mối quan hệ tương quan của sự vật. Giữa những yếu tố bất đồng vẫn tồn tại quan hệ tương tác và từ đó nảy sinh, phát triển cái mới. Thực tế cho thấy, nhờ có sự khác biệt giữa các nền văn hoá mới có sự thẩm thấu, tác động, tiếp nhận nhau, qua đó để nhìn nhận mình từ sự tham chiếu, so sánh.

Văn hoá quyết định hình ảnh của một quốc gia và có ảnh hưởng lớn đến tôn nghiêm của quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, ngày càng nhiều nước đang phát triển không muốn và không tự giác đi theo mô hình văn hoá thế mạnh của các nước phương Tây đưa ra, họ lo ngại cái đó sẽ làm lu mờ, tiêu biến thuộc tính riêng văn hoá của mình. Không có văn hoá riêng, chỉ biết dựa vào các số liệu kinh tế, kỹ thuật sẽ thật khó thuyết phục người khác. Hơn nữa, hậu quả của nó là thật khó lường.

## II. TOÀN CẦU HOÁ KÍCH THÍCH CẠNH TRANH VĂN HOÁ

Thế kỷ XXI là thời đại văn hoá. Đánh mất văn hoá của mình là mất đi tất cả. Văn hoá là mục tiêu, động lực của phát triển, là sức mạnh nội tại quan trọng. Trung Quốc từ một Trung Quốc chính trị những năm 60 - 70 đã chuyển dần sang một Trung Quốc kinh tế những năm 80 - 90. Bước sang thế kỷ mới, cùng với sự tăng cường quốc lực tổng hợp và địa vị quốc tế, Trung Quốc từng bước đi vào thời đại “văn hoá Trung Quốc”, tạo dựng hình ảnh, thể hiện cách thức tư duy đặc thù văn hoá Đông phương trong xử lý các vấn đề quốc tế, gắn chặt vận mệnh văn hoá với vận mệnh quốc gia, liên hệ mật thiết với sự phát triển chung của thế giới.

Thế giới cần một Trung Quốc trỗi dậy hoà bình. Trung Quốc trỗi dậy có lợi cho an ninh, ổn định của châu Á và thế giới. Trước mắt, do tâm lý chiến tranh lạnh vẫn còn, “Thuyết về mối đe dọa từ Trung Quốc” vẫn được người ta nhắc đến. Thế giới phương Tây rất quan tâm đến sự

trỗi dậy kinh tế, sự phát triển của KHKT và quân sự của Trung Quốc, nhưng chưa quan tâm nhiều đến văn hoá Trung Quốc, hiểu sai văn hoá Trung Quốc. Hạt nhân tinh thần của văn hoá Trung Quốc là hài hoà, chung sống hoà bình, không bành trướng, không tranh giành... Tư tưởng “Hoà nhi bất đồng” của Khổng Tử là sự khái quát về quan niệm văn hoá và tinh thần văn hoá Trung Quốc. Hàm ý của “hoà” ở đây không đồng nhất với “harmony” trong tiếng Anh. (“Hoà nhi bất đồng” có thể dịch sang tiếng Anh là: harmony in diversity) nhưng không hoàn toàn giống với “hài hoà”. Vì vậy, văn hoá Trung Quốc là văn hoá thừa nhận văn hoá của người khác, là văn hoá phi xâm lược. Kỳ thực, “thân hoà lực” là sáng suốt, vĩ đại hơn nhiều và khác xa vũ lực, dùng chiến tranh chinh phục người khác.

Tuy nhiên, từ năm 2002 đến nay, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng liên tục 4 năm liền ở mức trên 10%. Vị trí của Trung Quốc về tổng lượng kinh tế liên tục 4 năm liền vượt Anh, Pháp, Đức và vươn lên vị trí thứ ba trên thế giới, nhưng GDP bình quân đầu người còn kém xa. Khoảng năm 1820, GDP của châu Âu và Trung Quốc đều đứng đầu và tương đương nhau. Sau đó, Trung Quốc để mất dần cơ hội và tụt hậu nghiêm trọng, thậm chí đứng trước nguy cơ mất nước. Trung Quốc mất 200 năm đuổi theo thế giới, từng bước trỗi dậy chấn hưng dân tộc. Đại hội 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc gần đây nêu mục tiêu đến năm 2020 tăng 4 lần GDP bình quân đầu người so với năm 2000. Đến lúc đó, tổng lượng kinh tế Trung Quốc đứng vào

tốt đầu cường quốc kinh tế thế giới, thu nhập bình quân đầu người đứng hàng trung bình thế giới. Vậy là, không chỉ phấn đấu về tổng lượng kinh tế mà còn mang lại thành quả phát triển cho nhân dân, tạo bước đột phá thực hiện quan điểm “lấy dân làm gốc”, trả lời vấn đề “phát triển vì ai” và “phát triển như thế nào” ?

Đảng Cộng sản Trung Quốc thường xuyên nhấn mạnh văn minh vật chất, văn minh tinh thần XHCN. Trên cơ sở đó, Đại hội 16 bổ sung văn minh chính trị. Đại hội 17 tiếp tục bổ sung xây dựng văn minh sinh thái. Qua đó thể hiện sự quan tâm cao độ cải thiện dân sinh. Đại hội 17 còn đưa ra “tứ vị nhất thể” (bao gồm kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội) trên cơ sở “tam vị nhất thể” (kinh tế, chính trị, văn hoá). Điều này thể hiện rõ quan điểm “lấy dân làm gốc” trong thời đại “văn hoá Trung Quốc” và là sự lựa chọn xây dựng xã hội hài hoà XHCN; thể hiện rõ quan điểm trong thời đại toàn cầu hoá, Trung Quốc không tự đánh mất mình, mơ hồ về mình, mà kiên định con đường phù hợp với tình hình và sự phát triển của Trung Quốc.

Do vậy, Trung Quốc ngày nay tích cực tiếp thu kinh nghiệm sáng tạo văn hoá nhằm tạo dựng hình ảnh Trung Quốc cất cánh bằng cả hai cánh: trỗi dậy kinh tế và phát triển văn hoá, chú trọng tiếng nói văn hoá Trung Quốc trên các diễn đàn quốc tế; phát huy, truyền bá văn hoá truyền thống dân tộc, tuyên truyền có chọn lọc vốn văn hoá dân tộc, xây dựng bản lĩnh tự tin văn hoá, tự giác văn hoá Trung Quốc trong thế kỷ mới. Ví dụ, xuất phát từ tầm cao chiến lược phát

triển văn hoá quốc gia, xây dựng “hình tượng đại sứ” Diêu Minh, Chương Tử Di, tận dụng cơ hội tổ chức đảng cai Thế vận hội 2008 Bắc Kinh để tuyên truyền văn hoá Trung Quốc, tăng cường truyền bá ra bên ngoài những tác phẩm văn hoá cổ kim của Trung Quốc và phim ảnh tinh hoa dân tộc, tổ chức các cuộc triển lãm, hội chợ văn hoá, tiếp tục mở rộng các trường giảng dạy văn hoá Trung Quốc. Mới đây, trong thông báo về phương án bổ sung các ngày lễ tết của Trung Quốc ( ngày 9/11) đã quy định thêm các ngày tết Thanh minh, Đoan ngo , Trung thu là ngày nghỉ của cả nước. Các ngày lễ tết có liên quan nhiều đến tình cảm dân tộc và ký ức văn hoá. Quý trọng ngày lễ tết truyền thống dân tộc có phần hạn chế tư tưởng sùng bái các ngày lễ tết của phương Tây. Điều này có tác dụng tốt cho việc kế thừa, phát huy văn hoá truyền thống dân tộc.

Đáng chú ý là từ trước đến nay, Trung Quốc đã mở 200 Học viện Khổng Tử ở 63 quốc gia, khu vực trên thế giới. Việc thành lập Học viện Khổng Tử của Trung Quốc là học tập kinh nghiệm viện Goethe của Đức và Hội đồng Anh đã làm lâu nay theo phương thức giảng dạy tiếng Hán và văn hoá Trung Quốc phi lợi nhuận. Từ đầu năm 2007 đến nay, Trung Quốc đã cử 1500 chuyên gia và 2000 tình nguyện viên toả đi các nước giảng dạy tiếng Hán và văn hoá Trung Quốc. Trung Quốc đã lên kế hoạch đến năm 2010 sẽ lập 500 Học viện Khổng Tử trên khắp thế giới. Việc mở thêm nhiều Học viện Khổng Tử vừa có lợi cho mục tiêu tăng cường quốc lực và địa vị của Trung Quốc vừa có lợi cho mục đích tìm

hiểu Trung Quốc của các bạn bè quốc tế. Hiện tại, thế giới đang có trào lưu học tiếng Trung Quốc. Số lượng người nước ngoài được Trung Quốc cấp bằng học vị đã lên khoảng 4 vạn người. Số lượng người học tiếng Trung Quốc cũng lên đến 4 chục triệu người.

Ngôn ngữ không chỉ là công cụ tư duy và phương tiện giao lưu mà nó còn thể hiện quan niệm văn hoá, thậm chí nó còn là tài sản tự nhiên về quan niệm giá trị. Một quốc gia, dân tộc có thể thông qua ngôn ngữ của mình để truyền bá thông tin văn hoá, ảnh hưởng văn hoá sâu rộng ra bên ngoài, làm tăng thêm “sức mạnh mềm”. Đây là chân lý giản đơn và sự thực không cần bàn luận. Chính vì lẽ đó mà Mactini - một nhà tư tưởng của Ý đã từng nói: “Ở đâu có người nói tiếng Ý, ở đó là đất của Ý”.

Điều đó càng cho thấy, không có gì khó hiểu vì sao ông Roder người Pháp trong “Bài học cuối cùng” lại mang tâm trạng hết sức đau khổ khi người Đức bắt người Pháp phải học tiếng Germanh. Việt Nam trở thành thuộc địa của thực dân Pháp càng hiểu rõ cái lý của người Pháp khi họ truyền bá chữ quốc ngữ vào Việt Nam. Người Việt Nam cũng thấm thía cái họa của văn hoá thực dân. Ở Việt Nam có thời kỳ dài sử dụng chữ Hán. Hiện nay đang dùng chữ phiên âm Latinh làm văn tự chính thống của mình. Tiếng Việt có 29 chữ cái. Sau khi Pháp xâm lược Việt Nam, đến năm 1917, người Pháp chính thức ban bố sử dụng chữ Quốc ngữ và bãi xích chữ Hán. Chữ Quốc ngữ trải qua hơn một thế kỷ mới chính thức được lưu hành và từ đó trở thành văn tự chính thống của Việt Nam.

Nói một cách thẳng thắn, cùng với thời gian, những vết thương về sự áp đặt chính trị, bóc lột kinh tế thời kỳ Pháp thuộc sẽ mờ dần trong ký ức của người Việt Nam, song việc Latinh hoá chữ viết của người Pháp là sức mạnh mềm không phai mờ, thậm chí không thể mất ở Việt Nam.

Trong thời đại toàn cầu hoá, cạnh tranh “sức mạnh mềm” giữa các nước diễn ra hết sức quyết liệt. Hàn Quốc là nước sớm đưa văn hoá lên tầm quốc sách. Phim ảnh truyền hình của Hàn Quốc (người Hàn Quốc làm phim truyền hình để tạo ra nhiều âm hưởng ngây thơ, hư ảo nhằm làm dịu nhận thức của người khác đối với Hàn Quốc), ca nhạc, kịch, điện ảnh... đã tạo thành trào lưu chinh phục các quốc gia Đông Á. Mở rộng trào lưu này, cùng với tham vọng tạo dựng hình ảnh của một nước lớn ở khu vực Đông Á, tăng cường vai trò quốc tế, Hàn Quốc đã học kinh nghiệm lập Học viện Khổng Tử của Trung Quốc để mở các “Thế tông học viện”, tổ chức giảng dạy tiếng Hàn miễn phí cho các nước. Nhật Bản là nước chú trọng lợi ích của “sức mạnh mềm” thông qua ngôn ngữ tiếng Nhật. Nhật Bản đã lên kế hoạch mở thêm 100 trung tâm giảng dạy tiếng Nhật ở các nước với ý đồ làm cân bằng với Học viện Khổng Tử của Trung Quốc ở nước ngoài. Cường quốc phần mềm máy tính Ấn Độ đang nuôi ý đồ truyền bá ngôn ngữ Ấn Độ ra bên ngoài dưới hình thức mở “Học viện Gandhi” nhằm tăng cường “sức mạnh mềm” của Ấn Độ ra thế giới. Hội nghị lần thứ 61 Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 15-6-2007 mới đây đã thông qua Nghị quyết lấy ngày

2/10 (ngày sinh của Gandhi) hàng năm là ngày “Thế giới phi bạo lực”. Không còn nghi ngờ gì nữa, việc hình thành “Học viện Gandhi” sẽ là cơ hội tốt đối với ảnh hưởng của Ấn Độ ra bên ngoài.

Cạnh tranh “sức mạnh cứng” về kinh tế, chính trị, quân sự đang chuyển dần thành cạnh tranh “sức mạnh mềm” về văn hoá. Một số nước tỏ ra lạc quan và cố công đòi lại món nợ với Trung Quốc. Nhà khảo cổ học Nhật Bản Đằng Thân Tân muốn chứng minh lịch sử văn hoá Nhật Bản hình thành sớm nhất châu Á và có trước Trung Quốc, văn hoá Nhật Bản không chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, tạo dựng hiện vật khai quật khảo cổ để chứng minh điều đó đã trở thành vụ việc gây tai tiếng âm ỉ nhất trong giới khảo cổ học quốc tế. Tranh cãi về “Trung dược” (Đông y Trung Quốc) và “Hán phương dược” (bài thuốc Đông y Trung Quốc) giữa Nhật Bản và Trung Quốc là minh chứng về sự tranh đoạt một dạng bản quyền văn hoá truyền thống của Trung Quốc. Một số thương nhân Nhật Bản đã từng lợi dụng việc Trung Quốc chưa bảo hộ đầy đủ bản quyền Trung y dược và y dược dân tộc của mình đã bỏ tiền mua nhiều bài thuốc và phác đồ điều trị đông y truyền thống của Trung Quốc, sau đó đăng ký bản quyền, bất chấp thực tế khách quan, biến thành sản phẩm mang thương hiệu của riêng họ rồi lại xuất đúng mặt hàng này sang nơi sản sinh ra nó là Trung Quốc. Học giả Hàn Quốc đặt tên sản phẩm “Vô hậu tinh quang đại đà la ni kinh” để giành quyền phát minh sản phẩm “điều bản ấn xoa” của Trung Quốc, dùng “Trực chi” để giành quyền phát

minh “Kỹ thuật in chữ rời” của người Trung Quốc. Hàn Quốc lập lòe văn hoá Trung Quốc, văn hoá thứ sinh và văn hoá nguyên sinh, đưa ra không ít luận điểm hoang đường. Ví dụ, họ cho rằng “Trung y” chính là do người Hàn Quốc sinh ra và phải gọi là “Hàn y”. “Lão Tử, Khổng Tử là người Hàn Quốc, “Lan Đình tự của Vương Nghĩ là dùng giấy Cao Ly viết ra....

Nhật Bản, Hàn Quốc ... là các nước tương đối tiến bộ và sớm đi vào thời kỳ hiện đại hoá. Sau khi phát triển kinh tế, kỹ thuật, họ đi tiên phong vào địa hạt văn hoá. Nhật Bản, Hàn Quốc sớm xác định chiến lược phát triển văn hoá. Về mặt tích lũy, truyền bá và sáng tạo văn hoá, họ đi trước Trung Quốc. Ví dụ, Khổng Tử là bậc thánh sư của người Hoa Hạ được người đời sùng bái, nhớ đến. Thờ cúng, lễ bái Khổng Tử là nghĩa cử thể hiện sự tôn kính tư tưởng tiên hiền và văn hoá truyền thống. Trước khi phục hồi Khổng phủ ở Khúc Nhạc thuộc tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc đã lên kế hoạch đưa người sang Hàn Quốc nghiên cứu nghi lễ tế bái và dựng lại toàn bộ nghi lễ thờ cúng Khổng Tử. Hàn Quốc đã qua 600 năm thờ cúng Khổng Tử với quy mô rất lớn và rất trang nghiêm. Nghi lễ tế bái Khổng Tử ra sao, nhạc lễ kiểu gì, múa hát thế nào, tụng văn làm sao... đều phải học hỏi người Hàn. Người Hàn Quốc còn thành công trong việc đề nghị Uỷ ban văn hoá – giáo dục Liên hợp quốc công nhận nghi thức tết Đoan ngọ (Giang Lăng Đoan ngọ tế) vốn bắt nguồn từ Trung Quốc là di sản văn hoá và đưa

vào danh sách nghi lễ văn hoá được bảo tồn.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế, Trung Quốc cần thực hiện đường lối phục hưng dân tộc, đồng thời với sự trỗi dậy kinh tế, tăng cường quốc lực phải nhanh chóng xác định chiến lược phát triển văn hoá, có tầm nhìn xa trông rộng, đi tiên phong và thiết thực tăng cường sức cạnh tranh văn hoá của một nước lớn.

### III. BIÊN GIỚI TRUNG - VIỆT LÀ TUYẾN ĐẦU BẢO TỒN VĂN HOÁ DÂN TỘC

Hoạt động kinh tế, thương mại trên tuyến biên giới Trung - Việt diễn ra hết sức nhộn nhịp. Hàng hoá tiêu dùng, hàng công nghiệp nhẹ, nông lâm thổ sản... của Trung Quốc với khối lượng lớn được đưa qua Việt Nam. Hàng lâm thổ sản, thuỷ hải sản, lương thực thực phẩm, rau quả... của Việt Nam cũng được bán sang Trung Quốc qua tuyến biên giới này. Các cửa khẩu chính của Việt Nam như Móng Cái, Lạng Sơn, Lào Cai đã trở thành những nơi tập kết hàng hoá buôn bán xuất nhập khẩu giữa hai bên. Hai hành lang kinh tế Côn Minh – Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Nam Ninh - Lạng Sơn – Hà Nội - Hải Phòng và Vành đai kinh tế Vịnh Bắc Bộ đã được hình thành. Trên mọi đường phố, tiệm ăn, siêu thị của Trung Quốc đâu đâu cũng nghe thấy người nói tiếng Việt. Sang Lào Cai, Lạng Sơn, Móng Cái của Việt Nam, chỗ nào cũng thấy tiếng Trung Quốc. Trên dọc tuyến biên giới Trung - Việt, đồng Nhân dân tề và đồng tiền Việt Nam đều được sử dụng và chuyển đổi dễ dàng. Giao lưu Trung - Việt từ buôn bán kinh tế đã lan

sang các lĩnh vực hợp tác khác. Cùng với việc giải quyết vấn đề biên giới trên bộ và phân định Vịnh Bắc Bộ, hai nước Trung - Việt đang đứng trước thời kỳ phát triển tốt đẹp mới.

Chính phủ Trung Quốc luôn coi trọng giao lưu văn hoá với Việt Nam và các nước khác. Bắt đầu từ năm 2006, các đơn vị thuộc ngành văn hoá thuộc Bộ Văn hoá Trung Quốc đã phối hợp với Ban liên lạc với nước ngoài và Sở Văn hoá Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây tổ chức diễn đàn ngành văn hoá giữa Trung Quốc và ASEAN, mong muốn tăng cường giao lưu hợp tác cùng nhau phát triển sự nghiệp văn hoá và các hạng mục hợp tác, trao đổi văn hoá song phương. Tuy nhiên, bảo hộ văn hoá dân tộc trên tuyến biên giới Trung - Việt chưa thực sự được hai bên coi trọng. Đây là nội dung nằm ngoài phạm trù mở rộng ngành văn hoá và còn nhiều vấn đề phức tạp, thách thức nghiêm trọng.

Văn hoá dân tộc là văn hoá có bản sắc bản địa được sáng tạo, phát triển trong quá trình sáng tạo, phát triển lâu dài của nhân dân các dân tộc. Văn hoá của một dân tộc là kết tinh lao động và trí tuệ của bản thân dân tộc đó, là sự cống hiến quý báu của họ vào kho tàng tri thức nhân loại, nó mang nội hàm và tri thức, thành quả trí tuệ của chung nhân loại. Do vậy, nó phải là bản quyền tri thức của dân tộc đã sản sinh ra nó. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, bản quyền sở hữu trí tuệ ngày nay và mọi quyền lợi đều mang giá trị phát triển và tư cách pháp lý đặc biệt, cần được pháp luật bảo hộ. Văn hoá dân tộc biên giới Trung - Việt là tuyến tiên tiêu cần được bảo hộ.



Văn hoá dân tộc trên dọc tuyến biên giới Trung - Việt đồng căn, đồng nguyên, mang nội hàm giống nhau, cách thức xử lý, bảo tồn cũng giống nhau. Tuy nhiên, nó lại là văn hoá dân tộc có phân biệt ranh giới quốc gia nên rất phức tạp và tế nhị. Nếu một trong hai nước láng giềng đưa ra trước tiêu chí văn hoá của chung hai bên để đăng ký bản quyền sẽ trở thành chủ sở hữu bản quyền văn hoá dân tộc của chung tuyến biên giới thì bên kia sẽ mất “thương hiệu” văn hoá dân tộc mà họ có phần trong đó, đúng ra bên nào cũng có một phần bản quyền, một phần thị trường, một phần tiêu thụ hoặc “công ty nhánh”. Vì thế, nhìn từ góc độ đó, vấn đề sẽ rất nghiêm trọng, thách thức. Do tác động của lợi ích kinh tế, lợi ích của các bên, các nước rất khó thống nhất, tính xuyên quốc gia của văn hoá dân tộc và tính bảo tồn, tính cạnh tranh lợi ích giữa quốc gia dân tộc thường xuyên mâu thuẫn. Do vậy, phải có nhãn quan chiến lược, toàn diện để xử lý vấn đề bảo tồn văn hoá dân tộc, xử lý đúng đắn văn hoá dân tộc mang nội hàm văn hoá tương đồng nhưng lại có sự phân chia ranh giới giữa các nước. Từ tầm cao chiến lược trong quản lý vĩ mô của Chính phủ thực hiện bảo hộ, phát huy văn hoá có tiêu chí của nó, từng bước hình thành bản quyền văn hoá mang tính đặc thù.

Bài học kinh nghiệm về việc một khu vực láng giềng chiếm đoạt vốn văn hoá dân tộc đồng nhất là rất khó phân xử. Sự tranh chấp nguồn gốc và văn hoá trống đồng giữa hai nước Trung - Việt là một ví dụ điển hình. Trong nội bộ Trung Quốc như Quảng Tây, Vân Nam .v.v...

xác định chủ nhân của thương hiệu “Tú cầu tộc Choang”, hay nhắc lại tục lệ dân tộc như “múa lệch”, “múa sạp”,... cũng là điển hình. Thiết nghĩ, đối với vốn đặc thù dân tộc trên tuyến biên giới Trung Việt như y phục, ẩm thực, nhà cửa, lễ tiết, hoặc nông sản phẩm như cây cối, gia súc, sản phẩm thủ công mỹ nghệ,... nếu Trung Quốc, Việt Nam hoặc một nước thứ ba nào đó đăng ký bản quyền trước, hậu quả kinh tế, xã hội sẽ ra sao? Đương nhiên, các bên tranh giành lợi ích tài nguyên văn hoá sẽ dẫn đến kết cục bất phân thắng bại và không thể có anh mất tôi. Đối với nhãn hiệu văn hoá dân tộc tương đồng, xét về lợi ích kinh tế vẫn có thể cùng hưởng, nhưng đặc trưng văn hoá dân tộc do bị một bên chiếm giữ sẽ có mặt hạn chế của nó.

Tích cực bảo tồn và phát triển vốn văn hoá dân tộc biên giới có tác dụng quan trọng, mang lại hiệu quả tốt đẹp về kinh tế, xã hội, có lợi cho việc làm phần vinh kinh tế thương mại, tiến bộ xã hội và tạo phúc cho đời sau ở khu vực biên giới. Nhưng di sản văn hoá dân tộc biên giới tuyệt đối không được độc chiếm, không được cạnh tranh xấu và khai thác mù quáng. Cần thực hiện chiến lược bản quyền văn hoá, bảo tồn, khai thác một cách khoa học vốn văn hoá dân tộc. Trên cơ sở tôn trọng và tin cậy lẫn nhau, hai bên Trung - Việt cần tránh rơi vào kết cục cả hai đều không lợi, đối với những tiêu chí văn hoá dân tộc quan trọng của chung, hai bên cần hiệp thương với nhau, cùng hưởng lợi ích bản quyền, thực hiện cùng thắng. Đối với tài nguyên văn hoá dân tộc tương đồng, hai bên tăng cường

“quốc sản hoá” và “bản địa hoá”. Dựa trên đặc trưng của nước mình, khu vực mình, lấy danh nghĩa nước mình để đăng ký nhãn hiệu, hoặc quy định phạm vi bản quyền văn hoá theo pháp lý để bản quyền được rõ ràng, minh bạch. Cũng có thể dựa vào nguyên tắc đa dạng hoá của văn hoá, thực hiện chiến lược đa dạng hoá nhằm xây dựng đặc sắc bản địa để khu vực lân bang có ý nghĩa và văn hoá tương đồng hình thành nét khác biệt, nét đặc trưng văn hoá. Ví dụ, Trung Quốc và Việt Nam có thể cùng đề nghị một số văn hoá dân tộc của chung biên giới được công nhận là “di sản văn hoá thế giới”, cùng tận dụng, cùng khai thác, hoặc phân định danh tính trước khi phân biệt văn hoá tương đồng đó thuộc Trung Quốc hay thuộc Việt Nam; hoặc dùng phương pháp phân biệt đặc sản lợn dân tộc theo kiểu “lợn quay Việt Nam”, “lợn quay Trung Quốc”.

#### IV. ĐỐI SÁCH BẢO TỒN VĂN HOÁ BIÊN GIỚI TRUNG – VIỆT

1. Cần coi trọng công tác bảo tồn di sản văn hoá dân tộc vùng biên giới Trung – Việt. Nhiệm vụ cấp thiết hiện nay là phải nhanh chóng thành lập cơ quan chuyên môn tương tự như Ủy ban bảo tồn văn hoá dân tộc vùng biên giới hai nước Trung – Việt, nhằm hoạch định chiến lược văn hoá, xuất phát từ lợi ích lâu dài, trù hoạch tổng thể công tác bảo tồn văn hoá dân tộc vùng biên giới.

2. Nắm chắc công tác điều tra, đăng ký, phân loại quản lý di sản văn hoá dân tộc. Tài nguyên văn hoá dân tộc vùng biên giới Trung – Việt hiện rất phong phú, cần tiến hành phân vùng di sản, lập kế hoạch phân công bảo tồn và chế

định các pháp quy hợp lý. Biện pháp bảo tồn di sản tối ưu là giữ nguyên hiện trạng, trong Hiến chương Venice, Văn kiện Nara đã ghi rất rõ ràng, không để các di sản văn hoá bị phá huỷ; nếu hỏng thì nhanh chóng trùng tu theo mô hình vốn có, nhất nhất tuân theo nguyên tắc, quy định bảo tồn văn vật, không được gài lấp bất kỳ thiết bị nào khác. Cần xác định rõ những gì cần bảo tồn, những gì đã mất giá trị bảo tồn; những gì có thể khai thác, những gì tạm thời không thể khai thác. Cần tích cực khai thác và đề nghị xếp hạng đối với những di sản văn hoá có thể khai thác. Đối với những di sản văn hoá dân tộc độc đáo như dược phẩm, cây cối, nông sản, hàng thủ công, tác phẩm văn học nghệ thuật, hay lễ tiết, địa danh làng xóm... cần được nhanh chóng xếp hạng, đăng ký bản quyền, đặt tên gọi.

3. Bảo tồn văn hoá là việc làm bỏ công trước mắt, nhưng để lại lợi ích muôn đời, Chính phủ hai nước cần ra sức đầu tư. Trong điều kiện thiếu thốn tài lực, vật lực và nhân lực hiện nay, cần ưu tiên bảo tồn những di sản quan trọng. Về nguồn vốn, vừa có thể sử dụng kinh phí nhà nước, vừa có thể huy động vốn trong dân và vốn các doanh nghiệp. Nhà nước cũng cần thực hiện chính sách miễn giảm thuế đối với các doanh nghiệp làm tốt công tác này.

4. Giữa bảo tồn di sản và khai thác, lợi dụng thiên nhiên tất nảy sinh mâu thuẫn. Hiện nay chính quyền nhiều địa phương đã chuyển giao các điểm thắng cảnh cho ngành du lịch, đó là cách làm giết gà lấy trứng. Danh lam thắng cảnh bị khai thác thành các điểm du lịch, đó là cách làm thiên cận. Ngành du lịch

đã làm cho không ít di sản văn hoá, di sản thiên nhiên bị méo mó, biến dạng tới mức bị huỷ hoại. Cần phải kiên quyết ngăn chặn tình trạng này. “Gác bỏ văn hoá, tập trung làm kinh tế” là cách làm thiên cận. Xây dựng và phát triển kinh tế cần nhường lối cho bảo tồn văn hoá. Không thể và không bao giờ có thể phục hồi được các di sản văn hoá đã bị phá hoại.

5. Biên giới Trung – Việt có nguồn tài nguyên văn hoá phong phú, vì thế phải coi trọng cả việc bảo tồn văn hoá vật thể lẫn văn hoá phi vật thể. Di sản văn hoá vật thể bao gồm ba yếu tố: giá trị lịch sử, giá trị khoa học và giá trị nghệ thuật, yếu tố nào cũng có thể trở thành di sản. Hiện nay, việc khôi phục và bảo tồn văn hoá phi vật thể chưa được xem trọng đúng mức. Làng xóm Việt Nam mang đậm bản sắc dân tộc truyền thống, mỗi thôn xóm đều có miếu mạo, từ đường, đều thờ cúng các vị anh hùng hoặc người có công với xóm làng. Nếu trong làng không có nhân vật xuất chúng thì nhân dân đều thờ Trần Hưng Đạo – vị tướng chống quân Nguyên thời nhà Trần. Ở Việt Nam, mọi gia đình đều có bàn thờ, bất luận đó là gia đình các giáo sư, quan chức, hay dân nghèo. Phong tục đó được coi là di sản văn hoá phi vật thể. Trong các di sản văn hoá phi vật thể đều chứa đựng các nghi lễ, phong tục, khánh tiết, nếu không được bảo tồn một cách hữu hiệu thì chúng sẽ bị huỷ hoại dần. Điều đó là vô cùng đáng tiếc.

6. Hai nước Trung – Việt coi trọng việc bảo tồn di sản văn hoá, nhưng lại xem nhẹ việc bảo tồn di sản thiên nhiên. Trung Quốc hiện đã có 35 điểm văn hoá

và cảnh quan thiên nhiên được liệt trong “Danh mục di sản thế giới”, trong đó có 24 di sản văn hoá nhưng chỉ có 6 di sản thiên nhiên, 4 di sản vừa mang yếu tố văn hoá, vừa mang yếu tố thiên nhiên và 1 cảnh quan văn hoá. Công ước di sản thế giới quy định, di sản văn hoá và thiên nhiên là hai yếu tố song hành. Muốn tồn tại và phát triển, con người phải dựa chủ yếu vào điều kiện tự nhiên. Vì thế, bảo tồn di sản thiên nhiên là hết sức quan trọng. Về di sản thiên nhiên, Hiến chương Liên hợp quốc đã quy định rõ 3 phương diện, bao gồm 4 loại: một là di sản địa chất – hang động, nham thạch; hai là cảnh quan; ngoài ra còn có hai loại khác, đó là hệ thống sinh thái và động vật có nguy cơ tuyệt chủng, tất cả đều là các loài sinh vật đa dạng, chiếm tới 50%. Sinh vật - động vật và vi sinh vật là di sản thiên nhiên quan trọng nhất, cũng là nhân tố quan trọng nhất đối với sự sống của con người. Hiện tại, nhận thức của con người đối với thế giới sinh vật đa phần chưa đầy đủ, cũng chưa hiểu rõ giá trị của chúng, vậy nhưng, rất nhiều vấn đề khó trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật hiện đại đã được giải quyết từ sự gợi mở của thế giới tự nhiên. Ví như Ký ninh – vị thuốc chữa bệnh sốt rét lại chính là một kháng thể được phát hiện trên cơ thể muỗi. Thế giới tự nhiên chứa đựng rất nhiều kế sách ứng phó với các vấn đề bằng chính sức mạnh tự thân. Con người có thể khai thác tự nhiên để tháo gỡ khó khăn, bằng chính những trần trở của mình đối với tự nhiên. Bảo tồn di sản văn hoá khu vực biên giới Trung – Việt có không gian rộng mở, nhưng nhiệm vụ nặng nề, lộ trình ngàn dặm.